

Đơn vị: Trường THPT Yên Mô A
Chương: 422

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường THPT Yên Mô A công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý I/2026 như sau:

ĐV tính: Nghìn đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện quý I/2026	Ước thực hiện/Dự toán năm 2026 (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (Quý I/2026) năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí:				
	Không có				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	20.526.000	4.813.846	23,45	20,11
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	16.556.000	3.741.046	22,60	21,88
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.970.000	1.072.800	27,02	0,00
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				

Ngày 07 tháng 04 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị



★ Lê Thái Hòa

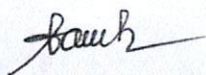
**CÔNG KHAI THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
QUÝ I/2026**

ĐVT: 1.000đ

STT	Nội dung	Dự toán NSNN năm 2026				Kinh phí đã sử dụng		Dự toán còn lại	Ghi chú
		Tổng số	Dự toán giao đầu năm (số đã trừ tiết kiệm)	Kinh phí chuyển nguồn năm 2025 sang năm 2026	Dự toán bổ sung trong năm	Số đã chi trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm		
1	Kinh phí giao theo biên chế	16.556.000	16.556.000			3.741.046	3.741.046	12.814.954	
2	Kinh phí mua sắm, sửa chữa đặc thù	3.964.043	3.960.000			1.063.800	1.063.800	2.900.243	
	Sửa chữa	1.800.000	1.800.000					1.800.000	
	Mua sắm	38.000	38.000			-	-	38.000	
	Nhiệm vụ đặc thù	2.126.043	2.122.000	4.043		1.063.800	1.063.800	1.062.243	
3	Sự nghiệp khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	10.000	10.000			9.000	9.000	1.000	

Yên Thành, ngày 07 tháng 04 năm 2026

Kế toán trưởng



Phạm Thị Thảo

Thủ trưởng đơn vị



Lê Thái Hòa

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Quý 1 năm 2026

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	Nội dung	Dự toán NSNN năm 2025				Kinh phí đã sử dụng		Dự toán còn lại	Ghi chú
		Tổng số	Dự toán giao đầu năm (số đã trừ tiết kiệm)	Kinh phí chuyển nguồn năm 2025 sang năm 2026	Dự toán bổ sung trong năm	Số đã chi trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm		
1	2	3=4+5+6	4	5	6	7	8	9=3-8	10
	Tổng cộng	20.530.043	20.526.000	0	0	4.813.846	4.813.846	15.716.197	
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	16.556.000	16.556.000	0	0	3.741.046	3.741.046	12.814.954	
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	3.964.043	3.960.000	0	0	1.063.800	1.063.800	2.900.243	
2.1	Kinh phí sửa chữa	1.800.000	1.800.000	0	0	0	0	1.800.000	
	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng nhà để xe	1.800.000	1.800.000	0	0	0	0	1.800.000	
2.2	Kinh phí mua sắm	38.000	38.000	0	0	0	0	38.000	
	Mua sắm thiết bị và bảo hiểm phòng cháy chữa cháy	20.000	20.000	0	0	0	0	20.000	
	Mua sắm trang phục dân quân tự vệ	18.000	18.000	0	0	0	0	18.000	
2.3	Kinh phí đặc thù	2.126.043	2.122.000	0	0	1.063.800	1.063.800	1.062.243	
	Chi trả phụ cấp ưu đãi đối với giáo viên dạy lớp có học sinh khuyết tật	154.000	154.000	0	0	0	0	154.000	
	Chi tiền học bổng cho học sinh khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC	33.000	33.000	0	0	0	0	33.000	
	Chi hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh khuyết tật, mồ côi, học sinh thuộc diện hộ nghèo năm 2025	31.043	27.000	4.043	0	0	0	31.043	
	Cấp kinh phí thực hiện chính sách miễn giảm học phí	1.908.000	1.908.000	0	0	1.063.800	1.063.800	844.200	
2	Sự nghiệp khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	10.000	10.000	0	0	9.000	9.000	1.000	
	Kinh phí duy trì phần mềm quản lý tài sản, phần mềm kế toán	10.000	10.000	0	0	9.000	9.000	1.000	

Người lập biểu

Phạm Thu' Pháo
Phạm Thu' Pháo

Kê toán

Phạm Thu' Pháo
Phạm Thu' Pháo

Ngày 04 tháng 04 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị

